

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010

Hà Nội, tháng 07 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 từ trang 5 đến trang 26.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đại Ngọc Giang	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Quốc Chính	Ủy viên
3. Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên
4. Ông Nguyễn Xuân Nam	Ủy viên
5. Ông Vũ Hoàng Chương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Quốc Chính	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Quốc Chi	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Khuất Minh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Nguyễn Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Hoài Linh	Trưởng Ban
2. Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên
3. Bà Đỗ Thị Vàng	Thành viên
4. Ông Phạm Anh Tráng	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Lê Đức Tuấn

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY Ltd) - Thành viên độc lập của Hãng kiểm toán quốc tế UHY INTERNATIONAL (UHY).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày 30/06/2010 nào có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Bà phê duyệt Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010.




Đại Ngọc Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Yên Bái, ngày 07 tháng 7 năm 2010



Nguyễn Quốc Chính
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 07 tháng 7 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		268.943.161.572	301.547.645.005
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.1	136.763.410.765	219.279.229.179
1. Tiền	111		136.763.410.765	62.957.137.798
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	156.322.091.381
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	20.900.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	20.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.709.927.847	46.978.370.995
1. Phải thu khách hàng	131		21.421.553.087	12.523.481.110
2. Trả trước cho người bán	132		85.188.135.673	31.542.863.733
5. Các khoản phải thu khác	135	IV.2	3.100.239.087	2.912.026.152
IV. Hàng tồn kho	140	IV.3	15.148.888.183	14.031.655.236
1. Hàng tồn kho	141		15.151.737.328	14.034.504.381
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.849.145)	(2.849.145)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.320.934.777	358.389.595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	9.451.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.552.186.719	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	IV.4	96.798.697	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV.5	671.949.361	348.938.595
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		575.554.246.315	562.172.423.652
II. Tài sản cố định	220		525.689.246.315	527.807.423.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.6	455.951.112.496	477.669.421.931
- Nguyên giá	222		1.173.764.582.680	1.173.217.055.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(717.813.470.184)	(695.547.633.126)
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.7	19.993.316.400	19.993.316.400
- Nguyên giá	228		19.993.316.400	19.993.316.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV.8	49.744.817.419	30.144.685.321
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		49.865.000.000	34.365.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	IV.9	49.865.000.000	34.365.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		844.497.407.887	863.720.068.657

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		57.659.324.491	80.080.842.393
I. Nợ ngắn hạn	310		26.069.763.894	48.435.219.608
2. Phải trả người bán	312		4.228.871.593	6.960.289.026
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV.10	389.338.996	14.702.438.159
5. Phải trả người lao động	315		634.082.509	2.673.512.474
6. Chi phí phải trả	316	IV.11	19.687.325.385	11.382.462.206
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	IV.12	610.727.443	11.176.272.947
11. Quỹ khen thưởng - phúc lợi	323		519.417.968	1.540.244.796
II. Nợ dài hạn	330		31.589.560.597	31.645.622.785
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV.13	31.439.077.000	31.439.077.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		150.483.597	206.545.785
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		786.838.083.396	783.639.226.264
I. Vốn chủ sở hữu	410	IV.14	786.838.083.396	783.639.226.264
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		635.000.000.000	635.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.599.666.180	6.064.731.217
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(314.447.955)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		55.208.926.711	55.208.926.711
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.407.790.814	2.407.790.814
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		87.621.699.691	85.272.225.477
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		844.497.407.887	863.720.068.657

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			306.663.552	149.573.952
5. Ngoại tệ các loại - USD			146.149,27	672.310,91
5. Ngoại tệ các loại - EUR			12.148,10	0,00



Nguyễn Quốc Chính
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 07 tháng 7 năm 2010

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		57.659.324.491	80.080.842.393
I. Nợ ngắn hạn	310		26.069.763.894	48.435.219.608
2. Phải trả người bán	312		4.228.871.593	6.960.289.026
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV.10	389.338.996	14.702.438.159
5. Phải trả người lao động	315		634.082.509	2.673.512.474
6. Chi phí phải trả	316	IV.11	19.687.325.385	11.382.462.206
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	IV.12	610.727.443	11.176.272.947
11. Quỹ khen thưởng - phúc lợi	323		519.417.968	1.540.244.796
II. Nợ dài hạn	330		31.589.560.597	31.645.622.785
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV.13	31.439.077.000	31.439.077.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		150.483.597	206.545.785
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		786.838.083.396	783.639.226.264
I. Vốn chủ sở hữu	410	IV.14	786.838.083.396	783.639.226.264
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		635.000.000.000	635.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.599.666.180	6.064.731.217
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(314.447.955)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		55.208.926.711	55.208.926.711
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.407.790.814	2.407.790.814
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		87.621.699.691	85.272.225.477
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		844.497.407.887	863.720.068.657

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			306.663.552	149.573.952
5. Ngoại tệ các loại - USD			146.149,27	672.310,91
5. Ngoại tệ các loại - EUR			12.148,10	0,00



Nguyễn Quốc Chính
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 07 tháng 7 năm 2010

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	38.517.920.903	126.342.642.424
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.517.920.903	126.342.642.424
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.027.356.996	33.955.947.842
5. (Lỗ) Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(509.436.093)	92.386.694.582
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.945.842.349	8.895.555.130
7. Chi phí tài chính	22		-	5.521.119
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.781.411.813	5.365.810.231
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.654.994.443	95.910.918.362
11. Thu nhập khác	31		97.833.694	135.705.836
12. Chi phí khác	32		31.190.121	61.261.056
13. Lợi nhuận khác	40		66.643.573	74.444.780
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.721.638.016	95.985.363.142
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	372.163.802	6.718.953.148
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.349.474.214	89.266.409.994
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.5	53	1.406



Nguyễn Quốc Chính
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 07 tháng 7 năm 2010

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		3.721.638.016	95.985.363.142
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		22.310.592.570	18.685.310.882
- (Lãi) lỗ hoạt động đầu tư	5		-	(43.181.818)
- Chi phí lãi vay	6		-	5.521.119
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		26.032.230.586	114.633.013.325
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	9		(70.154.241.243)	(46.236.250.511)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(1.117.232.947)	102.623.394
- (Tăng)/ giảm các khoản phải trả	11		(2.966.356.519)	63.122.817.315
- Tăng / (giảm) chi phí trả trước	12		9.451.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(5.521.119)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.799.185.123)	(4.179.105.461)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(12.067.206.182)	(91.831.583.128)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(72.062.540.428)	35.605.993.815
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(12.341.448.064)	(3.673.899.326)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	47.500.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.900.000.000	113.752.073.417
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(15.500.000.000)	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.841.722.123	5.017.555.130
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(99.725.941)	115.143.229.221
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(9.508.593.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.668.000.000)	(135.297.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.668.000.000)	(9.643.890.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(82.830.266.369)	141.105.333.036
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		219.279.229.179	140.572.984.845
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		314.447.955	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	IV.1	136.763.410.765	281.678.317.881



Nguyễn Quốc Chính
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 07 tháng 7 năm 2010

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - EVN) theo quyết định số 349/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 ngày 31/03/2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 05 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thị trấn Thác Bà - Huyện Yên Bình - Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 635.000 triệu đồng Việt Nam, chia thành 63.500.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh HOSE với mã chứng khoán TBC, ngày chào bán 19/10/2009.

2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất công nghiệp Năng lượng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN NĂM

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2010 H T A 1 37

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

I. Áp dụng các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CDKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2010, Công ty áp dụng bổ sung Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2009.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian dưới 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền; bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Hàng tồn kho được hạch toán theo nguyên tắc kê khai thường xuyên. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiêm khuyết.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	9 - 15
Thiết bị văn phòng	5 - 10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi sổ theo giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các tổ chức kinh tế mà Công ty có tham gia góp vốn. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phát sinh khác (ngoài lợi nhuận được chia) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

01/01/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, các nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) lên quan đến các tài sản biếu tặng này và các tài sản do doanh nghiệp đầu tư sau thời điểm cổ phần hoá.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/10/2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được phản ánh vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại và chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư có gốc ngoại tệ này được phản ánh vào bảng cân đối kế toán dưới chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái".

12. Chính sách ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoả mãn điều kiện: có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

12. Chính sách ghi nhận doanh thu và chi phí (tiếp)

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, trích trước chi phí lãi vay phải trả và trích trước các khoản chi phí khác. Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả như sau:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo công văn chấp nhận số 744/BTC-CDKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính. Các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả. Các khoản chi phí sửa chữa lớn đã ghi nhận vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả sẽ được tất toán khi các công trình sửa chữa lớn hoàn thành và được phê duyệt quyết toán.
- Chi phí lãi vay: trích trước chi phí lãi vay phải trả theo hợp đồng vay
- Các khoản chi phí phải trả khác: là các chi phí đã phát sinh nhưng chưa có đủ hoá đơn chứng từ được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi nhận được chứng từ nếu có chênh lệch so với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Theo Công văn số 4023/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 13/10/2008 về chính sách ưu đãi thuế gửi Cục thuế tỉnh Yên Bái thì Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Cũng theo Công văn này, trong 10 năm kể từ khi thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Tiền mặt	1.049.698.366	302.524.823
Tiền gửi ngân hàng	135.713.712.399	62.654.612.975
Cộng	136.763.410.765	219.279.229.179

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Phải thu tiền lãi dự tính của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	2.192.074.392	2.082.376.581
Trong đó:		
+ Công ty Tài chính CP Điện Lực	2.183.157.892	1.677.991.711
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	8.916.500	3.032.002
+ Ngân hàng NN&PTNT Yên Bình		313.398.701
+ Ngân hàng BIDV - CN Ba Đình		87.954.167
Thuế Nhà thầu nộp hộ	507.797.992	507.797.992
Phải thu tiền thuế TNCN	113.393.446	200.928.888
Phải thu khác	286.973.256	120.922.691
Cộng	3.100.239.086	2.912.026.152

3. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Hàng mua đang đi trên đường	5.060.328.669	5.060.328.669
Nguyên liệu, vật liệu	9.642.712.532	8.465.611.000
Công cụ, dụng cụ	448.696.127	508.564.712
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	15.151.737.328	14.034.504.381
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.849.145)	(2.849.145)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	15.148.888.183	14.031.655.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Thuế tài nguyên	56.422.886	-
Thuế thu nhập cá nhân	40.375.811	-
Cộng	96.798.697	-

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Tạm ứng	671.949.361	348.938.595
Cộng	671.949.361	348.938.595

10/1/2010 10/1/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Tại ngày 01/01/2010	627.875.498.114	525.017.996.513	15.515.855.428	4.807.705.002		1.173.217.055.057
- Mua trong kỳ	534.934.963	71.725.000				606.659.963
- Thanh lý, nhượng bán		(14.276.190)		(44.856.150)		(59.132.340)
Tại ngày 30/06/2010	628.410.433.077	525.075.445.323	15.515.855.428	4.762.848.852		1.173.764.582.680
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2010	294.087.408.255	386.327.248.960	10.609.249.062	4.523.726.849		695.547.633.126
- Khấu hao trong kỳ	9.509.201.473	12.207.987.720	540.277.416	67.502.789		22.324.969.398
- Thanh lý, nhượng bán		(14.276.190)		(44.856.150)		(59.132.340)
Tại ngày 30/06/2010	303.596.609.728	398.520.960.490	11.149.526.478	4.546.373.488		717.813.470.184
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày 01/01/2010	333.788.089.859	138.690.747.553	4.906.606.366	283.978.153		477.669.421.931
Tại ngày 30/06/2010	324.813.823.349	126.554.484.833	4.366.328.950	216.475.364		455.951.112.496

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 289.581.939.615 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Tại ngày 01/01/2010	19.993.316.400	19.993.316.400
Tại ngày 30/06/2010	19.993.316.400	19.993.316.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2010	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2010	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
Tại ngày 01/01/2010	19.993.316.400	19.993.316.400
Tại ngày 30/06/2010	19.993.316.400	19.993.316.400

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng các mảnh đất 34.540 m² và 145.235,6 m². Tổng giá trị quyền sử dụng hai mảnh đất nói trên đã được xác định trong tổng giá trị tài sản của Công ty Thủy điện Thác Bà tại thời điểm cổ phần hoá ngày 31/12/2004 được Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) phê duyệt tại Quyết định số 2342/QĐ-TCKT ngày 18/7/2005 là: 19.958.273.400 đồng. Giá trị Quyền sử dụng đất này trước đây không xác định thời hạn nên trong thời gian từ năm 2006 - 2009 Công ty không thực hiện trích khấu hao Quyền sử dụng đất nói trên.

Năm 2009 Đoàn thanh tra tỉnh Yên Bái đã tiến hành thanh tra về việc giải quyết giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 145.235,6 m² với giá trị 17.524.039.000 đồng đã được xác định vào giá trị thực tế của phần vốn góp Nhà nước khi cổ phần hoá. Theo đó, Đoàn thanh tra xác định giá trị của diện tích đất này là một khoản đầu tư vốn của Ngân sách tỉnh Yên Bái vào Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà. Ngày 08 tháng 12 năm 2009 UBND tỉnh Yên Bái đã ban hành công văn số 2423/UBND-TNMT V/v xác định đơn giá giao đất có thu quyền sử dụng đất tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà với tổng giá trị là 18.089.045.100 đồng. Ngày 09 tháng 12 năm 2009 UBND tỉnh Yên Bái ra quyết định số 239/QĐ-TTtr về việc thu hồi số tiền nói trên từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã nộp số tiền nói trên vào tài khoản của Thanh tra tỉnh Yên Bái tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Yên Bái.

Năm 2010, Công ty đang tiến hành làm thủ tục cấp lại Quyền sử dụng của 2 diện tích đất nói trên. Tới thời điểm lập báo cáo này thủ tục xin cấp lại Quyền sử dụng đất vẫn chưa được hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	49.744.817.419	30.144.685.321
Xây dựng cơ bản dở dang	30.672.964.365	18.938.176.264
+ Nâng cấp và HDH hệ thống đo lường điều	22.299.917.158	17.353.713.199
+ Dự án Đại tu phục hồi tổ máy số 3	8.373.047.207	1.584.463.065
Sửa chữa lớn Tài sản cố định (*)	19.071.853.054	11.206.509.057
+ Đại tu đập chính	8.083.889.451	6.029.862.786
+ Sửa chữa lớn TSCĐ khác	9.097.622.795	2.341.459.767
+ Trung tu tổ máy số 1	1.431.508.540	1.609.655.041
+ Đại tu hai cần cầu	254.489.131	238.417.687
+ Đại tu tổ máy số 2	204.343.137	204.343.137
+ Đại tu MBA T3	-	782.770.639
Cộng	49.744.817.419	30.144.685.321

(*) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đồng thời chi phí này cũng được ghi sổ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang và bằng số dư trên TK 335 - Chi phí phải trả. Số dư của 2 tài khoản này sẽ được bù trừ khi các công trình được quyết toán.

9. Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Đầu tư cổ phiếu	49.865.000.000	34.365.000.000
Cộng	49.865.000.000	34.365.000.000

Ghi chú: Theo hợp đồng góp vốn số 919/HĐGV-NDHP giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà với Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Công ty cam kết đầu tư vốn góp số tiền 50 tỷ đồng với tỷ lệ 1% vốn điều lệ để trở thành một trong các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Tại ngày 30/06/2010, Công ty đã góp vốn 49,865 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Thuế GTGT	-	1.863.141.846
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	389.338.996	11.816.360.317
Thuế tài nguyên	-	944.504.642
Các loại thuế khác	-	78.431.354
Cộng	389.338.996	14.702.438.159

11. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ (*)	19.071.853.054	11.186.356.488
Chi phí lãi vay	615.472.331	90.824.000
Chi phí phải trả khác	-	105.281.718
Cộng	19.687.325.385	11.382.462.206

(*) Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ tương ứng với số dư trên chi phí XDCCB dở dang như đã trình bày tại thuyết minh số IV.8

12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Bảo hiểm y tế	16.709.842	12.338.363
Bảo hiểm xã hội	39.792.463	29.306.013
Kinh phí công đoàn	180.765.740	142.571.838
Bảo hiểm thất nghiệp	1.798.170	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	371.661.228	10.983.548.590
Trong đó:		
+ Cổ tức phải trả	37.538.700	10.705.538.700
+ Phải trả khác	334.122.528	278.009.890
Cộng	610.727.443	11.176.272.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

13. Vay và nợ dài hạn

Hợp đồng Vay dài hạn số 06/2009/HĐTD-DH-DN/TCĐL giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực. Tổng giá trị hợp đồng 130,5 triệu đồng. Thời gian vay là 4 năm kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên cho đến khi hoàn trả hết nợ gốc, lãi và các khoản phí khác. Lãi suất trong hạn được tính bằng tổng của Lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tại Sở giao dịch của 4 ngân hàng: Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam. Mục đích của khoản vay là thực hiện dự án đầu tư Đại tu phục hồi tổ máy số 3 theo phê duyệt tại Quyết định số 823/QĐ-TĐTB-HĐQT ngày 17/07/2009 của Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay dài hạn trên là tài sản hình thành trong tương lai bằng vốn vay và vốn tự có của công ty.

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Vay dài hạn		
<i>Vay dài hạn Công ty tài chính cổ phần</i>	<i>31.439.077.000</i>	<i>31.439.077.000</i>
+ <i>Điện Lực</i>		
Cộng	31.439.077.000	31.439.077.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
							Cộng
Tại ngày 01/01/2009	635.000.000.000	2.736.794.691	-	29.385.459.517	852.699.199	124.232.445.401	792.207.398.808
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	129.731.892.853	129.731.892.853
- Tăng khác	-	3.327.936.526	-	29.151.403.720	1.555.091.615	-	34.034.431.861
- Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	(314.447.955)	-	-	-	(314.447.955)
- Giảm khác	-	-	-	(3.327.936.526)	-	(168.692.112.777)	(172.020.049.303)
Tại ngày 31/12/2009	635.000.000.000	6.064.731.217	(314.447.955)	55.208.926.711	2.407.790.814	85.272.225.477	783.639.226.264
Tại ngày 01/01/2010	635.000.000.000	6.064.731.217	(314.447.955)	55.208.926.711	2.407.790.814	85.272.225.477	783.639.226.264
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	3.349.474.214	3.349.474.214
- Tăng khác	-	534.934.963	314.833.507	-	-	-	849.768.470
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Trích các quỹ (*)	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Giảm khác	-	-	(385.552)	-	-	-	(385.552)
Tại ngày 30/06/2010	635.000.000.000	6.599.666.180	-	55.208.926.711	2.407.790.814	87.621.699.691	786.838.083.396

Trong kỳ, Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 1.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
+ Vốn góp của Nhà nước	476.250.000.000	476.250.000.000
- Tập đoàn Điện Lực VN	190.500.000.000	190.500.000.000
- Tổng công ty ĐT &KD vốn Nhà nước	152.400.000.000	152.400.000.000
- Công ty Tài chính CP Điện lực	133.350.000.000	133.350.000.000
+ Vốn góp của các đối tượng khác	158.750.000.000	158.750.000.000
Cộng	635.000.000.000	635.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	635.000.000.000	635.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
+ Cổ tức lợi nhuận đã chia theo KQKD năm 2008		88.900.000.000
+ Cổ tức lợi nhuận đã chia theo KQKD năm 2009		44.450.000.000

d) Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	63.500.000	63.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ		
+ Cổ phiếu thường	63.500.000	63.500.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu thường	63.500.000	63.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

d) Các quỹ của doanh nghiệp

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	55.208.926.711	55.208.926.711
- Quỹ dự phòng tài chính	2.407.790.814	2.407.790.814
Cộng	57.616.717.525	57.616.717.525

01/01/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.517.920.903	126.342.642.424
Trong đó:		
+ Doanh thu bán điện	38.505.042.720	126.320.496.800
+ Doanh thu dịch vụ khác	12.878.183	22.145.624
Cộng	38.517.920.903	126.342.642.424

Doanh thu bán điện 6 tháng đầu năm 2010 Công ty đang tạm tính giá bán điện theo công văn số 203/EPTC-P5 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ngày 24/02/2010 về việc thanh toán tiền điện cho Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà trong thời gian chưa ký gia hạn Hợp đồng PPA 827/HĐMBĐ-EVN-TĐTĐB (giá bán điện = 90% đơn giá trong hợp đồng số 827/HĐMBĐ-EVN-TĐTĐB ký ngày 14/07/2006 giữa Công ty Cổ phần thủy điện Thác Bà và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc giá: 477đồng/1KWh).

2. Giá vốn

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Giá vốn hàng bán	39.027.356.996	33.955.947.842
Cộng	39.027.356.996	33.955.947.842

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.945.842.349	8.895.555.130
Cộng	8.945.842.349	8.895.555.130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.721.638.016	95.985.363.142
Thu nhập chịu thuế	3.721.638.016	95.985.363.142
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế phải nộp tính theo thuế suất hiện hành	744.327.603	19.197.072.628
Ảnh hưởng của miễn giảm thuế	372.163.802	12.478.119.480
Giảm thuế theo ưu đãi thuế sau khi cổ phần hóa (giảm 50%)	372.163.802	9.598.536.314
Giảm 30% thuế phải nộp năm 2009 theo chính sách hỗ trợ của Nhà Nước	-	2.879.583.166
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	372.163.801	6.718.953.148

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	63.500.000	63.500.000
Cổ phiếu phổ thông đã được mua	63.500.000	63.500.000
Cổ phiếu phổ thông bình quân tính lãi (*)	63.500.000	63.500.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.349.474.214	89.266.409.994
Điều chỉnh bởi cổ tức ưu đãi	-	-
Kết quả thuần cơ bản	3.349.474.214	89.266.409.994
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	53	1.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
- Công ty Tài chính CP Điện Lực	5.952.237.468	3.769.079.576
Lãi vay dài hạn phải trả		
- Công ty Tài chính CP Điện Lực	2.080.218.928	-
Doanh thu bán điện		
- Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	38.505.042.720	126.320.496.800

Số dư với các bên liên quan:

	Tại 30/06/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn		
- Công ty Tài chính CP Điện Lực	121.276.032.068	-
Vay dài hạn		
- Công ty Tài chính CP Điện Lực	31.439.077.000	31.439.077.000
Công nợ phải thu		
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	21.421.553.087	12.523.481.110

2. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 đã được soát xét và được phân loại lại phù hợp với mục đích so sánh của báo cáo tài chính này.



Nguyễn Quốc Chính
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 07 tháng 07 năm 2010

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng